

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ



**NỘI DUNG THAM VẤN
BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**
của dự án

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ
TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH THẠNH
(GIAI ĐOẠN 2) (PHÚ MỸ 3 CẦN THƠ IP)**
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH TRINH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cần Thơ, tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “**Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) (Phú Mỹ 3 Cần Thơ IP)**” (sau đây viết tắt là Dự án).
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Vĩnh Trinh và xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (nay là xã Vĩnh Trinh, thành phố Cần Thơ).
- Tên Chủ dự án: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ.
- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp chuyên sâu (KCNCS) Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh).
- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thảo Nhi - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điện thoại: +81-70-1397-3952
- Điện thoại: +84-908 297 658 Fax: 0254 3936 839
- Email: thaonhint2002@yahoo.com

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

1.2.1.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính:
 - + Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi có diện tích 320,49 ha (tỷ lệ 59,29%);
 - + Đất hậu cần công nghiệp, logistics có diện tích 25,80 ha (tỷ lệ 4,77%);
 - + Đất hành chính – thương mại – dịch vụ - cơ sở lưu trú có diện tích 38,35 ha (tỷ lệ 7,09%);
 - Đất hành chính – thương mại – dịch vụ: 19,55 ha (tỷ lệ 3,62%);
 - Đất dịch vụ tiện ích – cơ sở lưu trú: 18,80 ha (tỷ lệ 3,48%);
 - + Đất hạ tầng kỹ thuật khác có diện tích 7,75 ha (tỷ lệ 1,43%);
 - + Đất cây xanh có diện tích 54,46 ha (tỷ lệ 10,07%);
 - + Đất mặt nước có diện tích 19,82 ha (tỷ lệ 3,67%);
 - + Đất giao thông có diện tích 73,81 ha (tỷ lệ 13,65%);

- + Đất trung tâm văn hóa – thể thao có diện tích 0,1 ha (tỷ lệ 0,02%);
- Các hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, rà phá bom mìn, vật liệu nổ.
- Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường bao gồm: hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; Trạm xử lý nước thải tập trung tổng công suất 14.000 m³/ngày.đêm; kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, kho lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các hạ tầng tiện ích của KCN.
- Các hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bãi, các dịch vụ phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong KCN;
- Các hoạt động dịch vụ hậu cần công nghiệp, hậu cần cảng biển, cảng cạn, kho tàng bến bãi, dịch vụ logistic...;
- Các hoạt động dịch vụ cung cấp hạ tầng tiện ích như nước sạch, điện, khí gas, thông tin liên lạc, tiện ích công cộng (cơ sở lưu trú) cho người lao động;
- Và một số hạng mục, dịch vụ một cửa 24/7 nhằm hỗ trợ các Nhà đầu tư các thủ tục đầu tư xây dựng từ khi bắt đầu triển khai, trong quá trình thi công và trong suốt quá trình vận hành dự án cùng các công trình phụ trợ khác.
- Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 2): Các ngành nghề thực hiện cụm liên kết ngành bao gồm cụm liên kết ngành cơ khí chế tạo, chế biến thực phẩm, nhóm ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu, hóa chất phục vụ nông nghiệp, các sản phẩm hóa chất và cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ thông tin, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện chủ trọng phát triển năng lượng tái tạo; các ngành sản xuất công nghiệp tiên tiến; các ngành công nghiệp sạch tiêu thụ năng lượng và phát thải khí CO₂ thấp, mang lại giá trị gia tăng cao, phát triển bền vững; phát triển ngành công nghiệp hóa chất, năng lượng, dược phẩm, điện tử - tin học và công nghiệp hỗ trợ có tính nền tảng, hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện, tự nhiên, lợi thế của địa phương.

Các hoạt động của Dự án:

Trong giai đoạn xây dựng

- Hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng và phát quang sinh khối.
- Hoạt động san nền với cao độ là +2,7m.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng dự án;
- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công;
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công;
- Hoạt động xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống cây xanh, cảnh quan, giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ

- thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống nước cấp, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, chống sét; hệ thống thông tin liên lạc; xây dựng nhà kho xưởng...
- Hoạt động xây dựng các công trình phụ trợ bao gồm: Nhà văn phòng điều hành; Nhà bảo vệ; Nhà để xe; Hàng rào bảo vệ,...
- Hoạt động xây dựng trạm xử lý nước thải; hồ sự cố; trồng cây xanh,...

Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận chuyển của các phương tiện giao thông ra vào KCN.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên thực hiện quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật KCN tại khu nhà điều hành và trạm XLNT tập trung của KCN.
- Hoạt động thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN và xả nước thải ra môi trường.
- Hoạt động thu gom, phân loại các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành KCN.
- Hoạt động vận hành của các hệ thống phụ trợ của KCN.

1.2.1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Đền bù, giải phóng mặt bằng (dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi và giao đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng).
- Hoạt động khai thác và vận chuyển vật liệu san nền (chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị cung cấp vật liệu san nền, trách nhiệm thực hiện ĐTM đối với các hoạt động này thuộc về đơn vị cung cấp).
- Khai thác nước mặt, nước ngầm phục vụ giai đoạn thi công xây dựng và vận hành KCN.
- Nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN (các dự án thứ cấp đầu tư vào KCN sau này tùy theo loại hình, quy mô, công suất sẽ do nhà đầu tư thứ cấp tự lập hồ sơ môi trường riêng theo đúng quy định pháp luật hiện hành).

1.2.2. Quy mô, công suất

- Diện tích đất sử dụng: 540,58 ha

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án chỉ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) để thu hút và phục vụ nhu cầu dịch vụ hạ tầng cho các doanh nghiệp đầu tư vào KCN. Khi các doanh nghiệp đầu tư vào KCN sẽ phải làm thủ tục môi trường riêng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020 và các quy định liên quan.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Nhà máy gồm các hạng mục công trình chính, hạng mục công trình phụ trợ và hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường như sau.

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

1.4.1.1. San nền

Giải pháp san nền cho Dự án nhằm đảm bảo ứng phó kịch bản biến đổi khí hậu đến năm 2070 như sau:

- Xây dựng đê bao quanh Dự án và 2 bên bờ các kênh rạch nằm trong Dự án với cao trình $H_{xd} \geq +3,10$.
- Cao trình bên trong của KCN: $H_{xd} \geq +2,70$.
- Sử dụng tổ hợp giải pháp để thoát nước cho KCN: lắp đặt van ngăn triều và xây dựng trạm bơm công suất lớn để thoát nước ở những thời điểm mưa lớn đồng thời nước triều cường.

Xây dựng các tuyến đê bao dọc theo ranh dự án hoặc kênh-rạch (kênh Thắng Lợi 2, kênh T1, T2, T3). Đỉnh đê bao đạt cao độ $\geq +3,10$ để ngăn nước. Cụ thể như sau:

- Các đường D1, D3 và D4: đê được bố trí tại vỉa hè phía kênh rộng 3m, cao độ +3,10.
- Các đường công vụ: dùng chính đường công vụ làm đê bao với cao độ mép đường +3,10.
- Cao độ tối thiểu mặt đường của các đường nội bộ trong KCN +2,90.
- Cao độ xây dựng hoàn thiện trong các lô đất $\geq +2,70$ tạo độ dốc nền xây dựng hoàn thiện hướng ra các đường xung quanh.
- Khu vực cây xanh cách ly phía ngoài đê bao giáp ranh dự án và cây xanh phía ngoài đê bao giáp kênh rạch (rạch Đường Trâu Lớn, kênh Thắng Lợi 2, kênh T1, T2, T3) giữ nguyên cao độ tự nhiên để tăng thêm diện tích trữ nước khi mưa.

1.4.1.2. Hệ thống giao thông

Từ KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) có thể dễ dàng kết nối với các trung tâm kinh tế trọng điểm phía Nam bằng các tuyến đường Cao tốc Lộ Tẻ – Rạch Sỏi, Quốc lộ 80, Quốc lộ 91.

Các tuyến đường kết nối chính của KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2):

- Đường vành đai phía Tây chuẩn bị xây dựng với lộ giới 80m gồm 6 làn xe, tuyến này đi trùng với đường huyện 47 hiện hữu.
- Đường tránh thị trấn Thốt Nốt (nối với tuyến tránh Long Xuyên)
- Đường tỉnh 921B chạy dọc kênh Thắng Lợi 1 hiện nay là đường huyện 46: quy hoạch với lộ giới 12m, 2 làn xe.

Các tuyến đường nội bộ trong KCN như sau:

❖ Trục dọc:

- Trục dọc chính: kết nối ra các đường khu vực (đường vành đai phía Tây, đường tránh thị trấn Thốt Nốt) bao gồm các đường D2 và D4 có khổ rộng $B=46m$.
- Trục dọc nội bộ:
 - + Đường D1, D3 có khổ rộng $B=31m$ và $B=23m$ (tại vị trí giáp ranh dự án)

+ Đường D5 có khổ rộng B=28m

❖ **Trục ngang:**

– Trục ngang chính: có chức năng kết nối khu vực phía Tây Bắc và Đông Nam kênh Thắt Lợ 2, gồm có 2 đường N1-2 và N4-2 các đường này có khổ rộng B=46m;

– Trục ngang nội bộ:

+ Đường N1-1, N3, N4-1, N5, N8, N9 các đường này có khổ rộng B=31m;

+ Đường N1-3 có khổ rộng B=28m.

+ Đường N2, N6, N7 các đường này có khổ rộng B=16m

Đường công vụ: phục vụ việc kiểm tra an ninh, xả thải và phòng cháy chữa cháy, các đường công vụ có khổ rộng B=8m.

1.4.1.3. Hệ thống cấp nước

Tổng nhu cầu dùng nước của KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) vào khoảng 18.885 m³/ngày.

Ngoài ra, theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, cần phải đảm bảo một lượng nước chữa cháy cho khu vực: với tiêu chuẩn qcc= 30 (l/s) cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 2 đám. Lưu lượng nước chữa cháy trong 3 giờ là: $Q_{cc} = 648 \text{ m}^3$.

Lượng nước này dự trữ trong bể chứa của trạm bơm tăng áp của khu công nghiệp, khi có cháy xảy ra bổ sung thêm từ hệ thống các sông rạch trong khu vực.

Nguồn cấp nước cho KCN là từ Nhà máy nước Thốt Nốt 1 (10.000m³/ngày.đêm) và Nhà máy nước Thốt Nốt 2 (50.000m³/ngày.đêm).

Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng lưới vòng bảo đảm cấp nước liên tục và áp lực ổn định cho khu vực. Nước từ 02 nguồn sẽ được dẫn về trạm điều phối nằm bên trái đường D2 góc giao với đường N1, nếu hụt áp sẽ được bơm bù áp sau đó theo mạng lưới đường ống HDPE có đường kính D560-D180 phân bổ đi các đường nội bộ KCN.

Nước cấp cho toàn bộ dự án được lấy trực tiếp từ tuyến ống cấp nước HDPE OD560 hiện hữu của Công ty Cấp nước Thốt Nốt cấp đến các cơ sở tiêu thụ nước trong khu vực dự án.

Ống cấp nước xây dựng mới sử dụng vật liệu ống nhựa HDPE, các phụ kiện (co, cút nối, bích, van khóa,...) bằng HDPE hoặc gang.

Trên mạng lưới các tuyến ống chính, bố trí các trụ cứu hỏa trên vỉa hè đường, tại ngã ba, ngã tư đường, khoảng cách 2 trụ từ 100-150 m, vị trí bố trí trụ cứu hỏa đảm bảo thuận tiện cho việc tiếp cận dễ dàng.

Bố trí các vị trí xả khí và xả cặn trên toàn bộ tuyến ống để đảm bảo điều kiện làm việc của tuyến ống. Đường kính, vị trí ống xả khí và xả cặn sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thiết kế thi công của dự án

1.4.1.4. Hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng

Tổng nhu cầu sử dụng điện cho KCN là: **138.323 kVA.**

Nguồn điện dự kiến cho KCN được cấp nguồn từ tuyến điện mạch đôi 110kV 173 Long

Xuân 2 – 172 Vĩnh Thành. Dự án sẽ xây dựng hai trạm biến thế 110/22kV cấp điện chuyên dùng cho KCN. Trong đó:

- Xây dựng TBA-1, công suất: 2x63MVA.
- Xây dựng TBA-2, công suất: 2x63MVA.

Dự án sử dụng lưới điện 500kV và 220kV hiện hữu và bố trí đi trong hành lang an toàn đường điện với bề rộng 40m. Tại các vị trí cột gần khu vực dự án, xây dựng mới tuyến 110kV đấu nối cấp điện cho các trạm biến thế 110kV của dự án.

Từ 02 trạm 110kV dự kiến, sẽ có các xuất tuyến 22kV cấp điện cho các trạm cắt của từng mạch và đến từng máy biến áp từng lô công nghiệp.

Để đảm bảo cấp điện liên tục cho KCN (theo tiêu chí N-1, kể cả khi bảo trì, bảo dưỡng) các phát tuyến 22kV của hai trạm được thiết kế theo dạng mạch vòng, khi một trạm gặp sự cố, nguồn điện cấp cho khu công nghiệp sẽ được lấy từ trạm còn lại.

Các xuất tuyến 22kV được bố trí đi nổi trên cột điện BTLT cao $\geq 14\text{m}$ trở lên và kết hợp với đi ngầm, tiết diện 95-400mm², vật liệu cáp sử dụng là ACSR/XLPE/HDPE.

Tại các vị trí đoạn tuyến 22kV giao chéo với đường điện cao thế 220kV, 110kV và giao giữa các mạch kép với nhau, để đảm bảo an toàn các tuyến 22kV được hạ ngầm, sử dụng cáp ngầm XLPE $\geq 240\text{ mm}^2$ và được luồn trong ống HDPE.

Các trạm hạ thế cấp điện chuyên dùng cho các nhà máy, công trình dịch vụ công cộng, khu hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định về sau, tùy theo việc xây dựng các công trình cụ thể.

Bố trí hệ thống chiếu sáng độc lập trên vỉa hè các tuyến đường trong KCN; đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn led có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

1.4.1.5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Nguồn cấp viễn thông lấy từ vị trí đấu nối với tín hiệu cấp thông tin dẫn từ trạm vệ tinh gần nhất của các nhà cung cấp mạng trong khu vực. Hệ thống viễn thông cho KCN sẽ là 1 hệ thống được ghép nối từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông như VNPT, Viettel, FPT... Hệ thống nội bộ ở đây sẽ là hệ thống điện thoại, truyền dữ liệu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho khu vực. Tổng nhu cầu viễn thông của toàn KCN: 5.260 thuê bao.

Xây dựng hệ thống viễn thông đi ngầm trong hệ thống cống bể. Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn để đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông như thuê bao điện thoại cố định, internet, truyền hình kỹ thuật số...

Hệ thống cáp quang được sử dụng cho mạng lưới viễn thông toàn khu để đảm bảo nhu cầu sử dụng đường truyền băng thông lớn, và mở rộng quy hoạch sau này theo định hướng chung phát triển hạ tầng viễn thông của Nhà nước, đồng thời phù hợp với mạng lưới cáp quang hiện hữu của khu vực.

Để đảm bảo các kết nối di động có thể hoạt động được, các mạng di động cần trang bị một số trạm di động BTS loại thân thiện môi trường của các tập đoàn viễn thông đặt ở khu công viên cây xanh trong khu quy hoạch nhằm phục vụ cho các kết nối.

1.4.1.6. Hệ thống phân phối khí đốt

Dự án đường ống khí Lô B- Ô Môn, tại GDC Ô Môn do Tập đoàn công nghiệp – năng lượng Việt Nam (PVN) điều hành đang triển khai, KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) sẽ thu hút thêm các ngành công nghiệp sử dụng khí LNG và các ngành nghề sử dụng nguồn nhiệt lạnh phát ra từ quá trình khí hóa LNG như ngành gia công chế biến thực phẩm đông lạnh, kho lạnh v.v....

Nguồn đầu nối cấp khí đốt cho KCN được đầu nối từ đường ống cấp khí đốt trên tuyến QL1, sau đó giảm áp và cung cấp cho các hộ tiêu thụ trong KCN thông qua Trạm phân phối khí. Hệ thống khí đốt được cung cấp cho khu vực Đất công nghiệp và Đất dịch vụ tiện ích công nghiệp trong KCN.

Nhu cầu sử dụng khí đốt của KCN vào khoảng 90.894 Nm³/ngày.

Hệ thống cung cấp khí theo dạng xương cá đường ống chính có đường kính lớn đường ống nhánh có đường kính nhỏ hơn và được bố trí một bên đường.

Tùy theo mức độ cần thiết, tại các nhà xưởng, công trình thương mại, nhà ở, v.v... sẽ lắp đặt van điều chỉnh (thiết bị điều chỉnh áp suất) để thực hiện công tác cung cấp khí đốt với áp suất thấp.

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Các hạng mục phụ trợ sẽ được xây dựng bao gồm các hạng mục sau:

1.4.2.1. Khu hành chính dịch vụ và cơ sở lưu trú

Các công trình thuộc khu hành chính dịch vụ, thương mại, dịch vụ, cơ sở lưu trú có chức năng tổng hợp bao gồm trụ sở làm việc của bộ phận quản lý và ban điều hành KCN, các dịch vụ như trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm, trung tâm y tế, công trình dịch vụ thương mại, dịch vụ lưu trú.

1.4.2.2. Hệ thống cây xanh - mặt nước

Cây xanh cách ly, cây xanh dọc đường: Được chú trọng bố trí thành các dải cây ven các tuyến giao thông chính, bao quanh nhà máy, vừa có chức năng cách ly kỹ thuật vừa làm chức năng trang trí, góp phần làm phong phú không gian kiến trúc cảnh quan, cải thiện khí hậu tiểu khu vực.

Việc tổ chức khu công viên cây xanh tập trung kết hợp cây xanh cách ly và cây xanh dọc đường, nhằm cải thiện vệ sinh môi trường, cũng như đóng góp vào kiến trúc cảnh quan chung cho KCN. Hệ thống công viên cây xanh tập trung tạo môi trường thông thoáng, hiệu quả kiến trúc cảnh quan, đáp ứng yêu cầu nghỉ ngơi, thư giãn cho công nhân KCN.

KCN sẽ kết hợp các giải pháp tổ chức cây xanh tập trung, cây xanh dọc đường, cây xanh cách ly và kết hợp các hồ nước để tạo môi trường cảnh quan đẹp cho KCN, đặc biệt trên tuyến giao thông lõi vào chính KCN có cây xanh cách ly 10 mét mỗi bên, đây là phần cây xanh đóng góp rất lớn cho cảnh quan, môi trường KCN xanh, sạch, đẹp, cũng như cải tạo vi khí hậu cho khu vực.

Dải cây xanh cách ly với khu dân cư và khu vực lân cận, có chiều rộng 15 m cũng là phần hỗ trợ cho môi trường KCN trong sạch hơn.

Cây xanh trồng trong KCN sẽ được lựa chọn phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng khu vực để tạo các mảng xanh, bóng mát và mỹ quan cho KCN, bảo đảm đáp ứng quy định tại

QCVN 01:2021/BXD. Cây xanh được bố trí trồng tại hàng rào xung quanh khu đất dự án và tại các dải cây ven các tuyến giao thông nội bộ, xung quanh công trình xử lý nước thải tập trung, xung quanh công trình xử lý nước cấp, khu vực hồ điều hòa của Dự án, bố trí dải cây xanh cách ly khu vực dân cư và Dự án. Đối với khu vực xử lý nước thải và xử lý nước cấp bố trí dải cây xanh cách ly với chiều rộng 10m. Đối với khu vực xung quanh ô đất của nhà đầu tư thứ cấp, các nhà đầu tư thứ cấp tự chịu trách nhiệm bố trí cây xanh theo quy định.

Đối với cây xanh sử dụng trồng trong KCN chủ yếu là cây có tán rộng, chiều cao trung bình từ 10 – 20m, tán rộng tạo bóng mát và có khả năng chắn gió tốt.

Đất mặt nước: Bao gồm các hồ, kênh mương tạo cảnh quan môi trường cho toàn khu công nghiệp.

Tổ chức các tuyến giao thông chính phụ, và các khu chức năng phù hợp cho từng giai đoạn, tạo thành một KCN hoàn chỉnh về không gian, mặt bằng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng.

1.4.2.3. Hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC)

Đề đảm bảo cho công trình, đáp ứng được các yêu cầu về PCCC theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành, Chủ dự án sẽ đầu tư thiết kế hệ thống PCCC đảm bảo phát hiện nhanh chóng và thông báo chính xác về vị trí của đám cháy có thể xảy ra để lực lượng bảo vệ và những người ở trong khu vực sử dụng các trang thiết bị chữa cháy ngay ở giai đoạn đầu. Hệ thống PCCC của công trình gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống chữa cháy vách tường (trụ nước chữa cháy ngoài nhà, họng nước chữa cháy trong nhà, Hệ thống chữa cháy tự động Sprinklers); Bậc chịu lửa; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; lối ra thoát nạn; khoảng cách PCCC; đường và bãi đỗ cho xe chữa cháy;
- Hệ thống hút khói sự cố, hệ thống chống sét;
- Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy.
- Các bình chữa cháy xách tay,...
- Thể tích nước chữa cháy: 648m³
- Hệ thống phát hiện và báo cháy được trang bị để giám sát các khu vực khác nhau cùng với các thiết bị được đồng bộ.

Trong vòng bán kính 5km từ KCN, hiện hữu đã có trụ sở của Đội Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Vĩnh Thạnh và Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Thốt Nốt, đảm bảo yêu cầu về công trình PCCC tại mục 2.6.13, quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD.

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.4.3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Khu đất dự án bị chia cắt bởi các kênh, rạch như kênh Thắng Lợi 2, kênh T1, T2, T3. Phương án thoát nước mưa định hướng sẽ sử dụng hệ thống mương BTCT bố trí dọc các tuyến đường để thu gom nước mưa sau đó dẫn đổ ra các kênh-rạch này.

Mạng lưới thoát nước mưa trong KCN như sau:

- Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước thải. Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán với chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán $P=5$.
- Hệ thống thoát nước mưa trong KCN sử dụng mương hở BTCT tại khu vực băng ngang đường (các nút giao thông) sử dụng cống hộp BTCT; các lối ra-vào công nhà máy sử dụng mương kín BTCT.
- Chiều sâu mương tối thiểu là 1,4m so với nền hoàn thiện +2,70. Tại các vị trí băng đường, chiều sâu đặt cống tối thiểu là 0,7m
- Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc 2 bên đường nội bộ (trừ đường công vụ) để thu nước từ đường giao thông và kết nối thu nước từ hệ thống thoát nước mưa của các nhà máy. Do thành mương cao hơn cao độ san nền nên trong giai đoạn chưa xây dựng nhà máy, khi san nền sẽ tạo các rãnh đất thu nước dọc theo rãnh mép đường sau đó đầu nối tạm vào mương BTCT tại các lỗ thoát nước tạm chờ sẵn.
- Các cửa xả thoát nước mưa đổ ra các kênh sẽ được bố trí van ngăn triều để tránh ngập úng khi triều cường kết hợp với mưa to. Cấu tạo cửa xả có hồ dự phòng để có thể kết hợp lắp bơm di động (nếu cần). Khi mưa lớn cùng thời điểm triều cường, mực nước tại các kênh dâng cao, hệ thống này sẽ hoạt động bằng cách tự động đóng các van ngăn triều lại và khởi động máy bơm đẩy nước bên trong mương ra kênh-rạch (nếu cần).
- Khu vực cây xanh phía ngoài đê bao giáp kênh rạch (rạch Đường Trâu Lớn, kênh Thắng Lợi 2, kênh T1, T2, T3) giữ nguyên cao độ tự nhiên để hình thành vùng bán ngập. Trong điều kiện bình thường, đây là vùng cây xanh. Khi triều cường hoặc mưa lớn, khu vực này kết hợp với lòng kênh rạch hiện hữu tạo thành vùng trữ và tiêu thoát nước.

1.4.3.2. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Lưu lượng nước thải tối đa từ các nhà máy thứ cấp trong KCN là 13.930 m³/ngày.đêm.

KCN Vĩnh Thanh – Giai đoạn 2 xây dựng hệ thống thoát nước thải độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường bên ngoài (Kênh T1) hoặc tái sử dụng trong KCN.

Nguyên tắc của mạng lưới thoát nước thải là thoát nước thải bám sát địa hình theo quy hoạch san nền.

- Nước thải thoát theo trọng lực từ nơi có địa hình cao về nơi có địa hình thấp.
- Trong từng lưu vực bố trí các tuyến công thu gom nước thải từ các tiểu khu và cụm công trình, cống thoát nước bố trí dọc theo các tuyến đường, vỉa hè.
- Bố trí các trạm bơm chuyển bậc tại các vị trí có địa hình bất lợi, những vị trí tuyến cống có độ sâu lớn và vị trí băng qua các kênh, rạch.
- Cống thoát nước sử dụng ống HDPE cho loại tự chảy, ống thép cho loại có áp từ các trạm bơm đưa ra.

1.4.3.3. Trạm xử lý nước thải tập trung

Toàn bộ nước thải được thu gom về trạm XLNT tập trung bố trí ở khu vực nằm giữa Kênh T1 và đường điện cao thế phía trên kênh Thắng Lợi 2. Công suất trạm XLNT dự

kiến $Q_t = 14.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (dự phòng 15%), nằm trên khu đất diện tích 3,8 ha. Nước thải được xử lý đạt giá trị loại A theo tiêu chuẩn QCVN 40: 2025/BTNMT.

Dây chuyền công nghệ xử lý nước thải công nghiệp đề xuất là Công nghệ xử lý Anoxic – Aeration (Kết hợp phương pháp hóa lý và sinh học).

Quy trình xử lý nước thải bao gồm các bước sau:

- Xử lý cơ học (song chắn rác thô và tinh): loại bỏ chất rắn lơ lửng kích thước lớn và nhỏ khác nhau. Quá trình này giúp loại bỏ TSS trong nước thải.
- Ổn định nước thải (Bể điều hòa): điều hòa lưu lượng và đồng nhất nồng độ pH nước thải, ngăn ngừa quá tải cho hệ thống phía sau.
- Xử lý hóa lý (keo tụ và tạo bông): xảy ra quá trình keo tụ và tạo bông làm sản sinh hạt kết tủa, tăng khả năng lắng cho bể lắng sơ cấp phía sau.
- Xử lý cơ học bổ sung (bể lắng sơ cấp có bộ phận tách dầu mỡ): lắng đọng các hạt cặn thô đồng thời vớt dầu nổi trên bề mặt bể sẽ được thu gom riêng.
- Xử lý sinh học (bể anoxic, aeroten và bể lắng thứ cấp): bao gồm quá trình khử Nitrat/Nitrat hóa. Sự chuyển đổi nitrat (sự khử nito) diễn ra bởi vi khuẩn sử dụng các chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí tại bể anoxic. Trong bể aerotank, sự chuyển đổi amoni thành nitrat thông qua hoạt động vi khuẩn nitrat. Phốt pho trong nước thải sẽ tạo thành sinh khối và được loại bỏ thông qua bùn. Bùn sẽ được tách khỏi nước thải thông qua hệ thống tách bùn tại bể lắng 2.
- Xử lý hoàn thiện (bể khử trùng và hồ hoàn thiện): nhằm khử trùng nước thải cải thiện chất lượng nước thải sau xử lý.
- Xử lý bùn: nén bùn và giảm độ ẩm của bùn bằng bể nén bùn và máy ép bùn.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn môi trường sẽ được xả ra kênh T1 hoặc tái sử dụng trong KCN cho mục đích phù hợp.

1.4.3.4. Các công trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại

CTR sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành trong KCN được chứa trong thùng nhựa có nắp và được bố trí bên văn phòng làm việc, dọc hành lang, căn-tin tại các khu vực khuôn viên nhà điều hành, nhà ăn, trạm XLNT tập trung. Vào cuối ngày làm việc, nhân viên thu gom rác và vận chuyển về khu vực tập trung CTR sinh hoạt của nhà máy. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom rác thải từ các khu vực để vận chuyển, xử lý hợp vệ sinh theo quy định. Tần suất thu gom đề xuất là 2-3 chuyến/tuần. Toàn bộ CTR thông thường sẽ được thu gom và lưu chứa trong nhà kho CTR thông thường có diện tích 200 m^2 tại khu vực trạm XLNT tập trung.

Bùn thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung sẽ được phân tích ngưỡng nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT. Tùy theo tính chất bùn thải sau khi phân tích trong giai đoạn vận hành thực tế mà bùn từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, vận chuyển và xử lý như CTR thông thường hay CTNH.

CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ hợp lý tại các thùng chứa có nắp đậy, các bao bì chứa...phù hợp với từng dạng chất thải, dán mã số tương ứng và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 50 m^2 đặt tại trạm XLNT tập trung có mái che,

tường bao xung quanh và có biển cảnh báo theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Kho chứa đảm bảo lưu chứa được toàn bộ CTNH phát sinh từ Dự án. Chủ Dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH theo đúng quy định. Kho chứa CTNH được tách riêng với kho chứa CTR thông thường và được thiết kế theo quy định. Kho chứa CTNH phải đảm bảo các quy định như mặt sàn đảm bảo kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy như bình chữa cháy...

Chủ Dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định. Việc phân loại và lưu chứa chất thải rắn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý và công tác bàn giao được tuân thủ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

Tất cả các nhà máy trong KCN chịu trách nhiệm phân loại và lưu trữ CTR của từng nhà máy. Chất thải phải được phân làm 3 loại: CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH. Các nhà máy phải ký hợp đồng với các cơ sở tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn có chức năng theo quy định.

1.4.3.5. Các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

1. Các sự cố về nước thải

Một số thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế với cấu hình dự phòng (2x100%) như máy bơm, máy thổi khí, bộ châm hóa chất, các bồn lọc...; các bồn bể lưu chứa nước thải được thiết kế với thể tích lưu chứa lớn hơn lưu lượng nước thải phát sinh. Ngoài ra, khi gặp sự cố, thiết bị dự phòng được đưa vào hoạt động thay thế. Nước thải sau khi xử lý nếu không đạt chuẩn được tuần hoàn trở lại để tiếp tục xử lý chất lượng nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

Khi nồng độ của bất kỳ thông số chất lượng nước thải nào bất thường hoặc nước thải không đạt yêu cầu xả thải, nước thải của KCN sẽ được xoay vòng xử lý cho đến khi đạt QCVN 40: 2025/BTNMT, cột A.

Thực hiện Quy trình ứng phó khi có sự cố làm chất lượng nước thải vượt quy chuẩn xả thải theo hướng dẫn của Thông tư số 41/2025/TT-BTNMT ngày 14/7/2025.

2. Các sự cố rò rỉ hóa chất

- Huấn luyện nâng cao kỹ năng, trình độ, nhận thức của công nhân viên về các biện pháp ứng phó sự cố hóa chất;
- Thành lập đội ứng phó sự cố hóa chất có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, ứng cứu khi có sự cố xảy ra;
- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất cho toàn bộ KCN.
- Hoạt động ứng cứu khi có sự cố bao gồm hai giai đoạn:
 - **Ứng phó khẩn cấp:**
 - + Ngăn chặn sự lan truyền hậu quả và thiệt hại của sự cố, đưa các nạn nhân ra khỏi vùng sự cố, chẩn đoán sơ bộ, cấp cứu, loại bỏ sự tiếp xúc với chất nguy

hại.

- + Hạn chế những thiệt hại do sự cố gây ra, tìm hiểu sơ bộ nguyên nhân xảy ra sự cố để khắc phục tại chỗ và có hướng giải quyết để ngưng ngay diễn tiến của sự cố.
- + Loại bỏ các nguy cơ nghiêm trọng để có thể bắt đầu làm vệ sinh.
- **Vệ sinh sau sự cố**
 - + Khi hóa chất bị đổ vỡ hay rò rỉ nên giải quyết trực tiếp, khẩn trương và sau đó dùng tấm phủ che bảo vệ bằng chất liệu thích hợp đã có chỉ dẫn. Tránh để cho nước vệ sinh này chảy vào hệ thống thoát nước vào cống rãnh.
 - + Chất lỏng bị tràn nên dùng cát và mùn cưa hút hết và không để lại bụi.
 - + Phần rắn nứt vỡ nên làm sạch với máy hút bụi công nghiệp.
 - + Đối với chất khí độc thoát ra do sự cháy hay rò rỉ nên được đối phó bằng cách thông thoáng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước với diện tích khoảng 460,78 ha, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

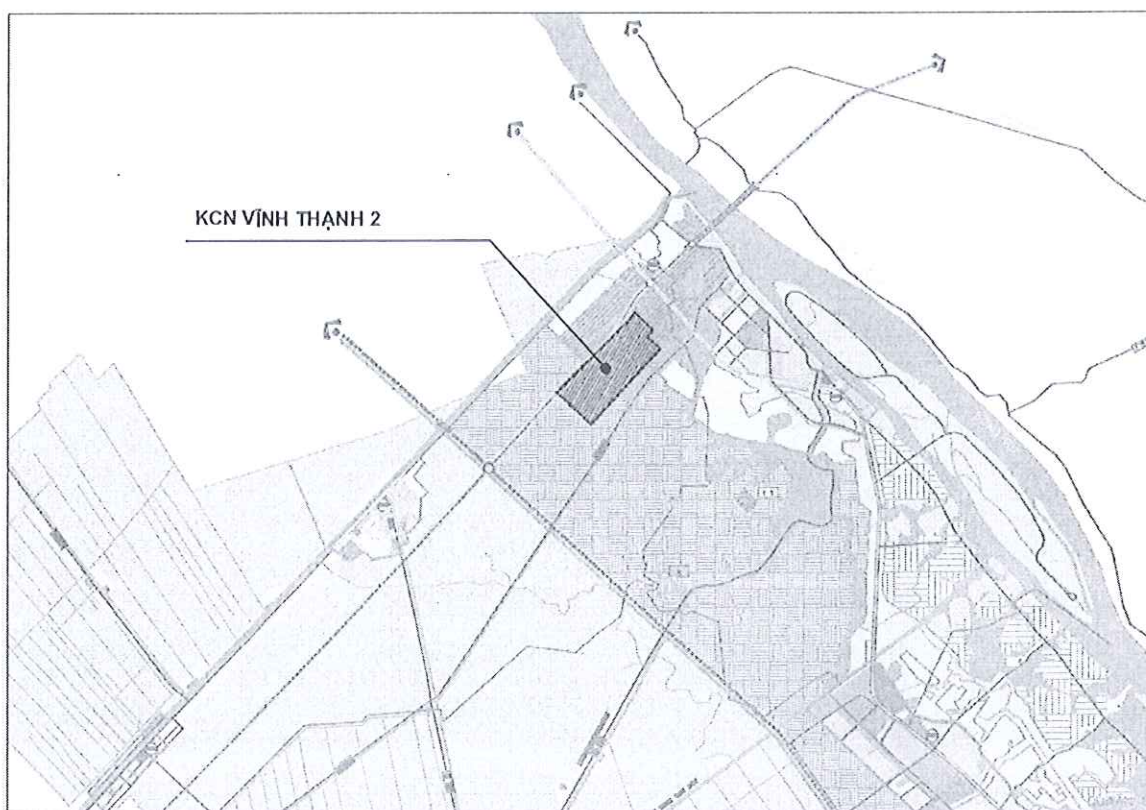
2.1.1. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

2.1.1.1. Vị trí, ranh giới dự án

Dự án thực hiện tại địa bàn xã Vĩnh Trinh, thành phố Cần Thơ. Khu vực lập quy hoạch cách tỉnh An Giang khoảng 15 km về phía Tây, cách thành phố Cần Thơ 70 km về phía đông và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 180 km về phía Bắc. Diện tích thực hiện dự án: 540,58 ha. Khu vực lập quy hoạch nằm trong vùng vành đai lưới liềm chủ yếu các khu công nghiệp chế biến phụ trợ nông nghiệp, công nghiệp sạch.

Vị trí tiếp giáp của khu đất dự án như sau:

- Phía Bắc: giáp với đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và KCN Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1);
- Phía Đông: giáp với khu dân cư hiện hữu và khu vực canh tác nông nghiệp xã Vĩnh Trinh;
- Phía Tây: giáp với khu vực canh tác nông nghiệp xã Vĩnh Trinh;
- Phía Nam: giáp với khu vực canh tác nông nghiệp xã Vĩnh Trinh.



Hình 1. Vị trí dự án

Bảng 1. Tọa độ khu vực thực hiện dự án

Tọa độ VN2000		
ĐIỂM	X	Y
RPM3-01	1137763,518	551951,559
RPM3-02	1137529,998	552196,713
RPM3-03	1137346,817	552388,43
RPM3-04	1137314,971	552421,819
RPM3-05	1137149,66	552595,539
RPM3-06	1136940,542	552396,363
RPM3-07'	1136937,714	552393,669
RPM3-07	1136930,835	552387,117
RPM3-08	1136904,607	552415,236
RPM3-09	1136747,61	552583,558
RPM3-10	1136723,031	552609,91
RPM3-10'	1136722,349	552610,641
RPM3-11	1136528,259	552818,731
RPM3-12	1136189,309	552502,735
RPM3-13	1135791,958	552132,292
RPM3-14	1135479,448	551840,946
RPM3-15	1134969,278	551365,326
RPM3-16	1134643,889	551061,972
RPM3-17 (RVD947-11)	1134310,194	550750,876
RPM3-18 (RVD947-10)	1134251,666	550696,311
RPM3-19	1133979,235	550442,33
RPM3-20	1134141,31	550268,368
RPM3-21	1134344,946	550049,796
RPM3-22	1134627,665	549746,342
RPM3-23	1135065,767	549276,108
RPM3-24	1135184,603	549395,433
RPM3-25	1135576,036	549788,475
RPM3-25'	1135579,561	549792,015
RPM3-26	1135911,574	550125,393

Tọa độ VN2000		
ĐIỂM	X	Y
RPM3-27	1136368,46	550584,157
RPM3-28	1136899,249	551116,954
RPM3-29	1137217,716	551436,905
RPM3-30	1137450,57	551670,717
RPM3-31	1137578,106	551798,781
RPM3-32	1137601,042	551821,717
RPM3-33	1137624,269	551844,358
RPM3-33'	1137630,131	551849,802
RPM3-34	1137648,169	551866,554
RPM3-35	1137672,842	551887,842
RPM3-36	1137716,9	551921,492
RPM3-01	1137763,518	551951,559

Nguồn: Biên bản bàn giao mốc giới theo Đồ án Quy hoạch Dự án: Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2), thành phố Cần Thơ ngày 29/7/2025.

2.1.1.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Khu vực thực hiện Dự án hiện trạng phần lớn là đất trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái nên các công trình hiện trạng chủ yếu là nhà cấp 4 xen kẽ với sân vườn và nằm tập trung ven theo kênh Thắt Lợi 2, rạch Đường Trâu Lớn.

Trong khu vực thực hiện dự án có 150 hộ gia đình đang sinh sống với hơn 500 nhân khẩu, số nhân khẩu trong độ tuổi phải chuyển đổi nghề là 420. Có 262 công trình bao gồm nhà ở hộ dân, cơ quan hành chính sự nghiệp.

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất khu vực Dự án

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp		
1	Đất trồng cây hàng năm khác	9,8	1,81
2	Đất trồng lúa 02 vụ	460,78	85,24
3	Đất trồng cây lâu năm	16,43	3,04
II	Đất phi nông nghiệp		
4	Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị	20,04	3,71

5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp	1,6	0,30
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	10,16	1,88
7	Đất có mặt nước chuyên dùng (sông, ngòi, kênh, rạch, suối)	21,77	4,03
	Tổng	540,58	100,00

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi của Dự án, tháng 8/2025

2.1.2. Môi trường quan của dự án với các đối tượng xung quanh và nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

Vị trí dự án cách UBND xã Vĩnh Trinh khoảng 1,5 km về hướng Tây. Các khu dân cư gần nhất đến hàng rào của KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) khoảng 200m về các phía Bắc và phía Tây, thuộc địa bàn xã Vĩnh Trinh, thành phố Cần Thơ.

Dự án nằm trên đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, cắt ngang đường huyện 47 hiện hữu, cách đường huyện 46 khoảng 700m.

Dự án nằm cách chùa Samakimes khoảng 800m về phía Bắc, cách nhà thờ Vĩnh Trinh khoảng 1,7km về phía Tây. Dự án nằm cách vườn cò Bằng Lăng khoảng 2,7km về phía Đông Bắc.

Xung quanh Dự án có rất nhiều trường học trong phạm vi bán kính 1,5km như Trường mẫu giáo Vĩnh Trinh, Trường THCS Vĩnh Trinh, Trường tiểu học Vĩnh Bình 2, Trường tiểu học Vĩnh Bình 3...

Trong khu vực thực hiện dự án không có các công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử, đền chùa cấp Quốc gia.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải từ các nhà máy thứ cấp trong KCN khoảng 12.113m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, Dầu mỡ khoáng, Coliform,...

2.2.1.2. *Khí thải*

1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, từ hoạt động hàn, cắt kim loại. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO,...
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, HC,...

2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi KCN. Thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x, SO₂,...
- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các nhà máy thứ cấp trong KCN. Thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x, SO₂, khói hàn, bụi kim loại, VOCs từ quá trình sơn; bụi sơn,...
- Bụi, khí thải và mùi hôi phát sinh từ quá trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung, khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường. Thành phần chủ yếu gồm mùi hôi, khí H₂S, CH₄ từ quá trình phân huỷ kỵ khí các chất hữu cơ,...

2.2.1.3. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

1. Chất thải rắn sinh hoạt

❖ **Giai đoạn xây dựng**

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 130 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

❖ **Giai đoạn vận hành**

- CTR sinh hoạt phát sinh từ khu văn phòng điều hành, trạm xử lý nước thải khoảng 91 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2. Chất thải rắn thông thường

❖ **Giai đoạn xây dựng**

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phát quang phát sinh sinh khối với khối lượng khoảng 931.780 m³. Thành phần chủ yếu gồm chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây và xà bần...
- CTR xây dựng phát sinh khoảng 2,5 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm xà bần, gỗ, kim loại (khung nhôm, sắt, đinh sắt...), các que hàn, carton, gỗ dán, xà bần, dây điện, ống nhựa, kính,...

❖ **Giai đoạn vận hành**

- CTR công nghiệp thông thường từ rác thải thu hồi của song chắn rác và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung với khối lượng khoảng 12.065 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm cành cây, túi nilon, thực phẩm thừa, bùn thải...

3. Chất thải nguy hại

❖ Giai đoạn xây dựng

- Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 304 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm giẻ lau dính dầu, nhớt và thùng chứa dầu nhớt, thùng sơn, dầu nhớt thải, dầu que hàn, giấy nhám, chổi quét sơn...

❖ Giai đoạn vận hành

- CTNH phát sinh từ khu văn phòng điều hành và trạm xử lý nước thải tập trung của KCN khoảng 513kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm bao bì chứa hoá chất; giẻ lau; bao tay dính dầu; các loại dầu thải...

2.2.2. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.2.1. *Tiếng ồn, độ rung*

1. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động của công nhân, tiếng ồn do hoạt động đầm nén, san lấp mặt bằng, đóng cọc, lắp đặt thiết bị...

2. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện giao thông, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động của nhân viên và tiếng ồn do hoạt động của bơm, quạt từ trạm xử lý nước thải tập trung.

2.2.2.2. *Các tác động khác*

1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng ảnh hưởng tới đến hoạt động giao thông đường bộ khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

2.2.2.3. *Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động sản xuất của các nhà máy trong KCN có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố công trình xử lý chất thải...

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.3.1.1. *Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải*

1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) *Giai đoạn xây dựng*

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:
 - + Bố trí khoảng 4 nhà vệ sinh di động xung quanh khu vực công trường. Thùng chứa nước thải sinh hoạt được đặt ở phía dưới cùng của nhà vệ sinh với dung tích chứa nước thải khoảng 2m³/thùng. Dòng nước thải từ các nhà vệ sinh di động được thu gom và xử lý theo hợp đồng với nhà thầu phụ có chuyên môn và giấy phép về vận chuyển và xử lý chất thải, đạt QCVN 14:2025/BTNMT về nước thải sinh hoạt.
- Nước thải xây dựng và vệ sinh máy móc thiết bị:
 - + Tại công trường xây dựng, khu vực rửa xe được trang bị để rửa xe trước khi rời khỏi công trường.
 - + Xây dựng hệ thống mương thoát nước tạm thời xung quanh khu vực rửa xe để tránh tình trạng đọng nước trên mặt bằng, gây ảnh hưởng đến thi công.
 - + Xây dựng bể lắng dung tích khoảng 10 m³ tại khu vực ra vào công trường. Tại đây, sau khi rửa phương tiện nước sẽ được thu gom về bể lắng để lắng cặn, đất cát, nước thải sau lắng sẽ được tiếp tục tuần hoàn tái sử dụng để rửa phương tiện. Bể lắng sẽ được san lấp hoàn trả mặt bằng sau khi kết thúc giai đoạn thi công, xây dựng.

b) *Giai đoạn vận hành*

- Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành của KCN sẽ được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Nước thải công nghiệp: Các nhà máy thứ cấp trong KCN tự trang bị hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu tiếp nhận đầu vào của KCN trước khi đầu nối về trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung của KCN.
- Trạm XLNT tập trung của KCN sẽ được xây dựng với tổng công suất 14.000 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải của các nhà máy thứ cấp và khu nhà điều hành đạt QCVN 40: 2025/BTNMT, cột A trước khi xả ra ngoài môi trường và xây dựng 01 hồ sự cố dung tích 3.500 m³/hồ để phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.
- Quy trình công nghệ xử lý nước thải của trạm XLNT tập trung: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp → Bể gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Cụm bể hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc QCVN 40:2025/BTNMT, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (kênh T1).
- Đối với xử lý bụi, khí thải

c) *Giai đoạn thi công xây dựng*

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; tất cả các máy móc thiết bị xây dựng được bảo trì định kỳ.
- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...
- Thường xuyên thu dọn đất cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Lập hàng rào chắn xung quanh khu vực công trường thi công.
- Bánh xe và phần dưới của phương tiện vận chuyển được xịt rửa trước khi rời khỏi công trường để giảm thiểu phát tán bụi trên đường.
- Các tuyến đường vận chuyển phục vụ xây dựng dự án trong KCN được phun nước vào ngày nắng để kiểm soát bụi. Số lần phun nước trong một ngày được sắp xếp phù hợp để đảm bảo kiểm soát ô nhiễm bụi trong quá trình vận chuyển.

d) *Giai đoạn vận hành*

- Chỉ sử dụng những phương tiện vận tải có nguồn gốc, đã được đăng kiểm, đạt quy chuẩn về khí thải đối với phương tiện giao thông; bố trí nhân lực tại các chốt để điều phối giao thông trong phạm vi của KCN; yêu cầu các phương tiện phải tắt động cơ khi dừng đỗ trong phạm vi của KCN.
- Các dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải áp dụng đầy đủ các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm không khí, nhiệt dư, tiếng ồn theo phạm vi đầu tư và theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Khuyến khích các nhà máy, xí nghiệp sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường, dây chuyền sản xuất khép kín, ít chất thải, bảo đảm thực hiện nguyên tắc lựa chọn ngành nghề sản xuất ít ô nhiễm vào KCN, bảo đảm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường KCN.

2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) *Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường*

i. Trong giai đoạn xây dựng

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân được thu gom vào các thùng chứa rác có nắp đậy tại các khu vực lán trại của công nhân. Đội vệ sinh ở công trường chịu trách nhiệm thu gom CTR từ các thùng rác và đưa đến nơi quy định để đơn vị có chuyên môn chuyển đi và xử lý. Chủ đầu tư ký hợp đồng với các công ty dịch vụ môi trường có chức năng phù hợp để thu gom CTR sinh hoạt theo định kỳ để đưa đi xử lý hoặc chôn lấp. Tần suất thu gom khoảng 2 đến 3 lần một tuần.
- CTR công nghiệp thông thường từ quá trình thi công gồm đất, đá thải ra trong quá trình xây dựng được thu gom và thải bỏ bởi nhà thầu xây dựng thông qua hợp đồng với các công ty dịch vụ môi trường địa phương.
- Phân loại và tái chế cho các mục đích khác nhau hoặc bán phế liệu đối với CTR xây dựng bao gồm giấy, sắt thép, nhựa, vật liệu xây dựng hư hỏng. Phần chất thải còn lại được thu gom bởi nhà thầu. Sau đó, khối lượng CTR này được chuyển đi và xử lý bởi các công ty dịch vụ môi trường địa phương theo hợp đồng ký kết với nhà thầu, đảm bảo tuân thủ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

ii. Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt được chứa trong thùng nhựa có nắp và được bố trí bên văn phòng làm việc, dọc hành lang, căn-tin tại các khu vực khuôn viên nhà điều hành, nhà ăn, trạm

XLNT tập trung. Vào cuối ngày làm việc, nhân viên thu gom rác và vận chuyển về khu vực tập trung CTR sinh hoạt của nhà máy. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kì thu gom rác thải từ các khu vực để vận chuyển, xử lý hợp vệ sinh theo quy định. Tần suất thu gom đề xuất là 2-3 chuyến/tuần.

- Toàn bộ CTR thông thường sẽ được thu gom và lưu chứa trong nhà kho CTR thông thường có diện tích 100 m² tại khu vực trạm XLNT tập trung.
- Bùn thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung sẽ được phân tích ngưỡng nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT. Tùy theo tính chất bùn thải sau khi phân tích trong giai đoạn vận hành thực tế mà bùn từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, vận chuyển và xử lý như CTR thông thường hay CTNH.
- Chủ Dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.
- Việc phân loại và lưu chứa chất thải rắn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý và công tác bàn giao được tuân thủ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

b) *Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

i. Trong giai đoạn xây dựng:

- CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ hợp lý tại các thùng chứa có nắp đậy và các bao bì chứa phù hợp với từng dạng chất thải, dán mã số tương ứng và lưu trữ tại khu vực chứa CTNH tạm thời có diện tích khoảng 105m². Khu vực chứa được xây dựng đảm bảo theo đúng quy định và có rãnh thu gom, các thiết bị phòng cháy, phòng ngừa sự cố (cát khô) trong trường hợp rơi vãi, rò rỉ CTNH.
- Các nhà thầu hạn chế việc sửa chữa xe, thiết bị ngay tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố) để giảm thiểu CTNH phát sinh từ Dự án.
- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định
- Việc thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTNH phải tuân theo những quy định về quản lý CTNH theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

ii. Giai đoạn vận hành

- CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ hợp lý tại các thùng chứa có nắp đậy, các bao bì chứa...phù hợp với từng dạng chất thải, dán mã số tương ứng và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 50 m² đặt tại trạm XLNT tập trung có mái che, tường bao xung quanh và có biển cảnh báo theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Kho chứa đảm bảo lưu chứa được toàn bộ CTNH phát sinh từ Dự án.
- Chủ Dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH theo đúng quy định.
- Kho chứa CTNH được tách riêng với kho chứa CTR thông thường và được thiết theo quy định. Kho chứa CTNH phải đảm các quy định như mặt sàn đảm bảo kín, không

bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy như bình chữa cháy...

- Nhân lực quản lý và hoạt động trực tiếp trong quá trình thu gom, vận chuyển CTNH phải đáp ứng yêu cầu năng lực, được đào tạo về quản lý và vận hành nhằm bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.
- Thực chế độ báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh và biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại.

2.3.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.
- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;
- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.
- Bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi KCN; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong KCN.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.4.1.1. Chương trình quản lý môi trường

Nội dung cơ bản của chương trình quản lý môi trường của Dự án bao gồm các hoạt động của Dự án; các tác động môi trường của Dự án trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình; các tác động của Dự án trong quá trình vận hành; các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; thực gian thực hiện và hoàn thành.

- Quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và quá trình vận hành KCN như quản lý môi trường xung quanh, quản lý chất thải, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.
- Thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án.
- Thu thập thông tin, giám sát môi trường trong xây dựng và vận hành.

2.4.1.2. Chương trình giám sát môi trường

1. Giai đoạn xây dựng

a) *Giám sát môi trường không khí xung quanh*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại khu vực công trường thi công.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, bụi tổng cộng, SO₂, NO_x, CO.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) *Giám sát chất lượng nước thải*

- Giám sát việc chuyển giao nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh di động trên công trường cho đơn vị chức năng chuyên môn thu gom và xử lý thông qua hợp đồng chuyển giao nước thải để xử lý bảo đảm các yêu cầu theo quy định.

c) *Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH*

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: tại vị trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ TNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Thực hiện quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của BTNMT.

3. Giai đoạn vận hành

a) *Giám sát chất lượng nước thải*

- Giám sát tự động, liên tục:

- + Vị trí giám sát: 01 điểm nước thải sau xử lý tại mương quan trắc trạm XLNT tập trung của KCN.
- + Thông số giám sát: nhiệt độ, lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, COD, TSS, Amoni.
- + Tần suất giám sát: liên tục.

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.
- Giám sát định kỳ:
 - + Vị trí giám sát: 01 điểm (mẫu nước đầu ra sau xử lý tại Trạm XLNT tập trung của KCN).
 - + Thông số giám sát: Độ màu, BOD5, Asen(As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan(Mn), Sắt (Fe), Tổng Xyanua(CN⁻), Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua (S₂⁻), Florua (F⁻), Clorua (Chloride), Tổng Nito, Tổng Photpho, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, Coliform, Chất hoạt động bề mặt anion, Benzene (C₆H₆), Formaldehyde (HCHO), Chloroform (CHCl₃), Toluene (C₆H₅-CH₃), Xylene (C₆H₄(CH₃)₂) (pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni được đo bằng hệ thống quan trắc tự động).
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

b) Giám sát bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thực hiện giám sát ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải theo quy định hiện hành của Pháp luật để phân định bùn thải là CTR thông thường hay CTNH để quản lý.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

c) Giám sát CTR thông thường, CTNH

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: Kho lưu giữ CTR sinh hoạt, CTR thông thường; Kho lưu giữ tạm thời CTNH.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư 07/2025/TT-BTMT ngày 28/2/2025 của Bộ TNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.2.1. Phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường do nước thải

Một số thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế với cấu hình dự phòng (2x100%) như máy bơm, máy thổi khí, bộ châm hóa chất, các bồn lọc...; các bồn bể lưu chứa nước thải được thiết kế với thể tích lưu chứa lớn hơn lưu lượng nước thải phát sinh. Ngoài ra, khi gặp sự cố, thiết bị dự phòng được đưa vào hoạt động thay thế. Nước thải sau khi xử lý nếu không đạt chuẩn được tuần hoàn trở lại để tiếp tục xử lý chất lượng nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Dự án thiết lập và ban hành quy trình cụ thể cho công tác ứng phó, khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải

trước khi vận hành. Hai hồ sự cố với thể tích khoảng 7000m³/hồ sẽ được bố trí đảm bảo lưu chứa nước thải từ KCN trong trường hợp sự cố.

2.4.2.2. *Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất*

- Bảo quản hóa chất: các hóa chất lưu trữ được gắn nhãn mác rõ ràng với các thông tin như tên hóa chất, nồng độ, ngày nhập (hoặc ngày chuẩn bị). Các hóa chất độc được gắn mác đặc biệt và đánh dấu nguy hiểm. Các loại hóa chất được lưu trữ ở những khu vực chỉ định riêng biệt. Việc lưu giữ các hóa chất phải được trang bị với các cơ sở và thiết bị bảo vệ dựa theo các quy chuẩn về tính chất nguy hiểm của hóa chất và tuân theo các quy định về an toàn hóa chất.
- Sử dụng hóa chất: khi sử dụng, tiếp xúc với các loại hoá chất phải sử dụng phương tiện bảo hộ thích hợp. Khi sửa chữa các thiết bị có chứa hóa chất phải xả hết các dung dịch đó ra ngoài, dùng vòi nước rửa sạch hoặc mở nước cho chảy để rửa ống (nếu có trong ống) rồi mới sửa chữa. Khi rửa các dụng cụ đựng chất độc phải đổ đầy nước từ hai đến ba lần để cho hơi còn lại trong dụng cụ thoát ra ngoài. Nghiêm cấm hút thuốc hay sử dụng các nguồn nhiệt gây nên cháy tại nơi làm việc có chất dễ cháy...
- Ứng phó sự cố hóa chất: Ứng phó khẩn cấp ngăn chặn sự lan truyền hậu quả và thiệt hại của sự cố, đưa các nạn nhân ra khỏi vùng sự cố, chẩn đoán sơ bộ, cấp cứu, loại bỏ sự tiếp xúc với chất nguy hại; hạn chế những thiệt hại do sự cố gây ra, tìm hiểu sơ bộ nguyên nhân xảy ra sự cố để khắc phục tại chỗ và có hướng giải quyết để ngưng ngay diễn tiến của sự cố; Loại bỏ các nguy cơ nghiêm trọng để có thể bắt đầu làm vệ sinh. Khi hóa chất bị đổ vỡ hay rò rỉ nên giải quyết trực tiếp, khẩn trương và sau đó dùng tấm phủ che bảo vệ bằng chất liệu thích hợp đã có chỉ dẫn. Tránh để cho nước vệ sinh này chảy vào hệ thống thoát nước vào cống rãnh. Chất lỏng bị tràn sẽ dùng cát và mùn cưa hút hết và không để lại bụi. Phần rắn nứt vỡ được làm sạch với máy hút bụi công nghiệp. Đối với chất khí độc thoát ra do sự cháy hay rò rỉ sẽ được đối phó bằng cách thông thoáng.
- Thực hiện biện pháp khai báo và xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất theo quy định.

2.4.2.3. *Công tác phòng cháy và chữa cháy*

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp tại các khu vực nhà điều hành, công trình công cộng, công trình phụ trợ của KCN. Mỗi nhà máy trong KCN sẽ tự lắp đặt đầy đủ hệ thống PCCC riêng theo đặc thù sản xuất; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm ở nhà xưởng và các công trình; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ. Đảm bảo hệ thống PCCC hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn phòng cháy và chữa cháy. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Dự án sẽ căn cứ vào phạm vi, mức độ nguy hiểm và đưa ra các phương án ứng phó theo các cấp độ.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ đầu tư cam kết:

3.1. Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý, giảm thiểu các tác động xấu trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn hoạt động của dự án như đã nêu cụ thể trong báo cáo ĐTM này.

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm yêu cầu và giám sát đơn vị thi công ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công.

Chủ dự án cam kết hoàn thành các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn trước khi đưa KCN đi vào hoạt động.

Chủ dự án sẽ áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm như đã trình bày trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường của dự án, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

Chủ dự án cam kết thời gian hoàn thành công trình xử lý môi trường và các hệ thống không chế ô nhiễm môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức.

3.2. Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến dự án

Chủ dự án cam kết đảm bảo đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình chuẩn bị, xây dựng, hoạt động và kết thúc dự án, bao gồm:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải ra trong quá trình xây dựng và hoạt động dự án.
- Chủ Đầu tư cam kết thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp và yêu cầu các chủ đầu tư thứ cấp đầu tư vào KCN phải tuân thủ đúng các quy định của Chủ Đầu tư về đầu ra của nước thải;
- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom, xử lý tại các hệ thống xử lý nước thải tại KCN đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.
- Độ ồn sinh ra trong quá trình hoạt động của dự án đến các khu vực xung quanh đảm bảo đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của chính phủ về quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT và thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022.

3.3. Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường

Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành với tần suất và các thông số phân tích theo đúng quy định hiện hành như đã nêu trong Chương 4 báo cáo ĐTM. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác lấy mẫu giám sát và lưu trữ số liệu làm cơ sở cho công tác đánh giá diễn biến môi trường, nhằm mục đích kịp thời điều chỉnh các biện pháp giảm thiểu, khắc phục và phòng tránh một cách hiệu quả nhất.

3.4. Các cam kết khác

Chủ dự án cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chủ dự án cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

Chủ dự án cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, mùi, đồng thời thực hiện vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hệ thống xử lý nước thải trong quá trình hoạt động dự án.

Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của nhà nước.

Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người dân trong suốt quá trình vận hành Dự án.

Dự án đầu tư “Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) (Phủ Mỹ 3 Cần Thơ IP)” hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Bằng các giải pháp kỹ thuật và quản lý nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo ĐTM này, Dự án có khả năng hạn chế và kiểm soát các tác động tiêu cực tới môi trường đến mức quy định của Quy chuẩn môi trường đã ban hành. Chủ dự án “Dự án “Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) (Phủ Mỹ 3 Cần Thơ IP)” mong được các cấp thẩm quyền phê duyệt và ủng hộ cho dự án để có thể triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ của Dự án.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CẦN THƠ



Tạ Quốc Bảo